

## SỬ DỤNG CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ TẠI VIỆT NAM: TẬP QUÁN THỊ TRƯỜNG VÀ GIÁ TRỊ PHÁP LÝ

**Bài viết là ấn phẩm chung của *TND Legal* và *Kiến Thức Pháp Lý*. Bài viết được dịch bởi *Sỹ Ngọc Thùy Trang* từ bài “*Using e-signature in Vietnam: Market practice and legal validity*” do *Nguyễn Quốc Bảo* và *Hoàng Nguyễn Phương Dung* đăng tải tại *TND Legal*. Xem bài viết tiếng Anh tại [ĐÂY](#).**

Chữ ký số và hợp đồng giấy đang dần trở nên lỗi thời trong thời đại công nghệ hóa. Nhận định này càng đúng hơn khi đại dịch Covid bất ngờ bùng nổ khiến cho các phương thức giao tiếp vật lý bị giảm sút trầm trọng. Bất chấp truyền thống coi trọng chữ ký số và con dấu khi thực hiện bất kỳ giao dịch nào, việc sử dụng chữ ký điện tử trong thời gian gần đây, dù là hệ quả của việc giãn cách xã hội do đại dịch Covid-19 hay là kết quả của chính sách chuyển đổi số, đã ngày càng trở nên phổ biến tại Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, những câu hỏi pháp lý liên quan đến hình thức và giá trị pháp lý của chữ ký điện tử trong các giao dịch thông thường ngày càng xuất hiện nhiều hơn. Trong bài viết này, tác giả sẽ xem xét và giải quyết các câu hỏi pháp lý trọng tâm liên quan đến việc sử dụng chữ ký số.

1. Chữ ký điện tử được thể hiện dưới những hình thức chủ yếu nào?
2. Một hợp đồng có giá trị pháp lý không nếu được ký kết bằng chữ ký điện tử?
3. Việc sử dụng chữ ký điện tử cho các văn bản nộp cho Cơ quan nhà nước có được chấp nhận hay không?

### **Chữ ký điện tử được thể hiện dưới hình thức nào?**

Thuật ngữ pháp lý “Chữ ký điện tử” ở Việt Nam được bắt nguồn từ Luật Mẫu UNCITRAL<sup>1</sup>. Theo đó, chữ ký điện tử phải thể hiện được những đặc tính sau đây: (i) phải được tạo ra bằng phương tiện điện tử; (ii) được gắn liền hoặc kết hợp với thông điệp dữ liệu một cách hợp lý; (iii) có khả năng xác nhận người ký thông điệp dữ liệu và (iv) tượng trưng cho sự chấp thuận của người ký đối với nội dung thông điệp dữ liệu được ký. Do vậy, chữ ký điện tử có rất nhiều hình thức khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn ở chữ ký số; chữ ký scan; chữ ký hình ảnh; xác nhận bằng thư điện tử; xác nhận từ một nền tảng trực tuyến, thiết bị hay ứng dụng điện tử.

Từ khía cạnh thực tiễn, chữ ký scan, chữ ký hình ảnh, xác nhận bằng thư điện tử và chữ ký số được sử dụng đa dạng cho những hợp đồng thương mại điện tử khác nhau. Dưới đây là những minh chứng cụ thể cho việc các hình thức của chữ ký điện tử được sử dụng phổ biến:

---

<sup>1</sup> Xem thêm: Điều 21 Luật Giao dịch điện tử 2005; Điều 2(a) Luật Mẫu về chữ ký điện tử của UNCITRAL 2001.

Các hình thức của chữ ký điện tử <sup>2</sup>	Phương thức tạo lập	Mục đích sử dụng thông dụng	Ưu và nhược điểm
Chữ ký scan	Một bên sẽ in hợp đồng ra giấy và ký sống trên đó. Sau đó, hợp đồng này sẽ được chuyển đổi thành dữ liệu điện tử (thông qua máy quét (scan)) và gửi cho bên còn lại để cùng ký kết.	Chữ ký scan thường được sử dụng cho các hợp đồng/thỏa thuận mà gặp khó khăn trong việc ký kết trực tiếp, điển hình như các giao dịch xuyên biên giới.	<p><b>Ưu điểm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Đẩy nhanh việc thực hiện hợp đồng khi không phải tốn thời gian gửi thư hay các cuộc họp trực tiếp để ký kết.</li> <li>(2) Tiết kiệm chi phí (như chi phí vận chuyển, chi phí đi lại hay tránh việc lãng phí giấy, nhân lực, v.v).</li> <li>(3) Tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện và lưu trữ hợp đồng nhờ vào các công cụ số hóa thuận tiện.</li> <li>(4) Về mặt bản chất, chữ ký scan là chữ ký sống được ký bởi các bên trên giấy tờ. Nó mang nhiều dấu ấn cá nhân của các bên ký kết. Vì vậy, chữ ký scan có thể hạn chế được việc lạm dụng hoặc giả mạo trong việc thể hiện sự đồng ý của các bên về nội dung hợp đồng.</li> </ul> <p><b>Nhược điểm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>(1) Việc chuyển đổi thành dữ liệu điện tử dưới dạng hình ảnh hay PDF bằng máy quét và ngược lại mà không được xác minh hay mã hóa thì có thể ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của các tài liệu đã ký. Bởi vì một bên có thể can thiệp và chỉnh sửa các tài liệu này.</li> </ul>

<sup>2</sup> Ngoài những hình thức đã được liệt kê, sự đồng ý theo phương thức điện tử (như nhấn nút “Chấp nhận” hoặc “Đồng ý” trên nền tảng ảo) cũng được sử dụng rộng rãi trong các giao dịch đã được định trước, theo đó việc thực hiện hợp đồng cơ bản được diễn ra nếu nội dung giao dịch do cả hai bên phát triển. Tuy nhiên, phương tiện “thực hiện” này sẽ không được bao gồm trong phạm vi của bài viết này.

			<p>(2) Bên cạnh đó, các tài liệu sử dụng chữ ký scan cũng không đảm bảo được độ tin cậy tuyệt đối về việc các tài liệu này có thật sự được in và ký kết bởi các bên hay không.</p> <p>(3) Chữ ký scan có thể bị lạm dụng cho các mục đích khác (như sử dụng hình ảnh chữ ký scan để gán vào các tài liệu khác).</p>
Chữ ký hình ảnh	<p>Khác với chữ ký scan, không cần phải in hợp đồng giấy để tạo chữ ký hình ảnh. Các bên chỉ cần gán chữ ký của mình vào chỗ ký tên và chuyển đổi nó thành dữ liệu của hợp đồng (với chữ ký hình ảnh được gán). Sau đó, gửi tới bên còn lại để thực hiện việc ký kết.</p>	<p>Chữ ký hình ảnh thường được sử dụng trong những trường hợp các bên không thể gặp mặt để ký tên trực tiếp (ký sống) trên bản cứng hợp đồng.</p>	<p><b>Ưu điểm:</b></p> <p>(1) Giống với ưu điểm (1), (2) và (3) của chữ ký scan đã đề cập ở trên.</p> <p>(2) Do được lưu trữ điện tử và có thể gán vào dữ liệu của hợp đồng, nên các bên có thể tiến hành ký kết bằng chữ ký hình ảnh tại bất cứ đâu, kể cả nơi đó hợp đồng có được in ra và ký sống hay không.</p> <p><b>Nhược điểm:</b></p> <p>(1) Giống với nhược điểm (1) của chữ ký scan đã đề cập ở trên.</p> <p>(2) Có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc chứng minh sự đồng ý của các bên về nội dung hợp đồng, đặc biệt là trường hợp có tranh chấp xảy ra từ việc ký kết của các bên không thể hiện được sự đồng thuận của họ về hợp đồng.</p> <p>(3) Giống với nhược điểm (3) của chữ ký scan đã đề cập ở trên.</p>
Xác nhận bằng thư điện tử	<p>Hợp đồng sẽ được soạn thảo dưới dạng một thư điện tử (kể cả</p>	<p>Xác nhận bằng thư điện tử thường được sử dụng trong các cuộc giao</p>	<p><b>Ưu điểm:</b></p> <p>(1) Giống với ưu điểm (1), (2) và (3) của chữ ký scan đã đề cập ở trên.</p>

	<p>soạn trực tiếp trên thư điện tử hay bằng tệp tin đính kèm), sau đó gửi tới bên còn lại để họ xác nhận các điều khoản trong hợp đồng.</p> <p>Nếu Bên được đề nghị gửi thư lại cho Bên đề nghị, thì thư điện tử này được xem là Bên được đề nghị đã đồng ý thực hiện hợp đồng. Như vậy, việc thiết lập sự thỏa thuận bằng hình thức này đã ràng buộc Bên đề nghị và Bên được đề nghị lại với nhau.</p>	<p>tiếp nội bộ trong công ty, hoặc những trường hợp cần xác nhận trước khi đi đến việc thực hiện hợp đồng chính thức. Đặc trưng phổ biến của việc áp dụng hình thức này là có khả năng xác thực Bên được đề nghị bằng địa chỉ thư điện tử.</p>	<p>(2) Sự chấp thuận của các bên có thể được đảm bảo (một phần) thông qua xác minh danh tính.</p> <p>(3) Khả an toàn cho việc chống gian lận và giả mạo các tài liệu đã ký, bởi vì trong các trường hợp cụ thể, người dùng luôn nhận được xác nhận từ thư điện tử. Đồng thời, không bên nào được phép can thiệp, giả mạo thư điện tử được gửi từ bên kia, hay được nhận từ người khác.</p> <p><b>Nhược điểm:</b></p> <p>(1) Các bên vẫn phải tự kiểm tra để đảm bảo tính toàn vẹn, nguyên trạng của dữ liệu.</p>
<p>Chữ ký số</p>	<p>Chữ ký số là hình thức đặc trưng của chữ ký điện tử vì nó liên quan đến việc mã hóa.</p> <p>Theo đó, chữ ký số mà các bên sử dụng sẽ được nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký</p>	<p>Bên cạnh việc được sử dụng trong các hợp đồng/thỏa thuận giữa các bên, chữ ký số còn được dùng cho cơ quan nhà nước trong việc kê khai thuế, đăng ký doanh nghiệp, thủ tục hải quan, kê khai bảo hiểm</p>	<p><b>Ưu điểm:</b></p> <p>(1) Giống với ưu điểm (1), (2) và (3) của chữ ký scan đã đề cập ở trên.</p> <p>(2) Sự chấp thuận của các bên được đảm bảo bằng phương pháp xác minh danh tính.</p> <p>(3) Việc mã hóa giúp bảo vệ tính toàn vẹn của dữ liệu và ngăn chặn được sự can thiệp khi không có sự đồng ý của các bên. Một trong các bên cũng có thể</p>

	<p>số tạo trên nền tảng/ thiết bị mã hóa, và sau đó được gán vào các tài liệu điện tử cần ký.</p> <p>Các bên khi nhận được tài liệu có thể xác định tính phù hợp của chữ ký số và tính toàn vẹn của nội dung dữ liệu kể từ thời điểm tạo ra chữ ký số ở trên<sup>3</sup>.</p>	<p>xã hội, hóa đơn điện tử, v.v</p>	<p>phát hiện những tài liệu được ký bằng chữ ký số bị thay thế hoặc bị thay đổi theo bất kỳ cách nào dẫn đến làm mất hiệu lực của chữ ký số.</p> <p>(4) Nhờ các công cụ số hóa thuận tiện, đặc biệt là việc sử dụng số xác thực để tìm kiếm và tiếp cận dữ liệu, việc soạn thảo và lưu trữ hợp đồng trở nên dễ dàng và thuận lợi hơn.</p> <p>(5) An toàn cao trong việc chống gian lận và giả mạo các tài liệu đã ký.</p> <p><b>Nhược điểm:</b></p> <p>(1) Yêu cầu cả hai/tất cả các bên phải sử dụng dịch vụ cung cấp bởi nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số hợp lệ.</p> <p>(2) Rủi ro về việc lưu trữ phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số.</p>
--	---	-------------------------------------	---

### ***Liệu hợp đồng có giá trị pháp lý khi tiến hành ký kết bằng chữ ký điện tử không?***

Từ khía cạnh Quốc tế, mãi đến năm 1996, chữ ký điện tử mới được chính thức công nhận trong một văn bản pháp luật. Đó là Luật Chữ ký số của Utah, điều chỉnh chữ ký điện tử và các chứng thực và cơ quan chứng thực<sup>4</sup>. Kể từ đó, chữ ký điện tử nhanh chóng trở thành điểm nóng pháp lý thúc đẩy các nhà lập pháp khác ban hành những đạo luật tương tự (như Mỹ, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Argentina, Liên minh Châu Âu, v.v) để công nhận giá trị pháp lý của các hợp đồng hoặc thỏa thuận được ký bằng chữ ký điện tử tương tự như các chữ ký được viết tay thông thường. Tuy nhiên, mỗi quốc gia hoặc khu vực lại có một cách tiếp cận pháp lý khác nhau. Điều này gây khó khăn trong việc xây dựng tiêu chuẩn chung cho chữ ký điện tử. Do đó, Ủy ban Liên hợp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL) đã thông qua Luật mẫu về Chữ ký điện tử vào

<sup>3</sup> Xem thêm: Điều 3.6 Nghị định 130/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số.

<sup>4</sup> R. Jason Richards, "The Utah Digital Signature Act As "Model" Legislation: A Critical Analysis" (1999) 17 J. Marshall J. Computer & Info. L. 873

ngày 05/07/2001, như là mô hình mẫu khuyến khích các quốc gia khác điều chỉnh pháp luật của mình phù hợp với cách tiếp cận quốc tế<sup>5</sup>.

Trên cơ sở của Luật mẫu UNCITRAL<sup>6</sup>, tại Việt Nam, chữ ký điện tử bắt đầu được công nhận và có hiệu lực pháp lý từ năm 2005 thông qua việc ban hành Luật Giao dịch điện tử năm 2005, Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/05/2013 về thương mại điện tử và Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/09/2018 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số, và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Nhìn chung, khung pháp lý của Việt Nam hoàn toàn thừa nhận tính pháp lý của chữ ký điện tử, miễn là nó thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 24 Luật Giao dịch điện tử năm 2005. Theo đó, các dữ liệu được ký bằng chữ ký điện tử sẽ có giá trị pháp lý, nếu nó đáp ứng được các điều kiện sau đây:

- **Tiêu chí đầu tiên** – Bất kể dưới hình thức nào, một chữ ký được xem là có giá trị pháp lý khi nó xác định được bên ký kết và đại diện cho sự chấp thuận hoặc đồng ý về nội dung của bên ký kết khi ký kết. Tương tự như vậy, các phương thức tạo ra chữ ký điện tử cũng phải đáp ứng được đầy đủ các chức năng đó.
- **Tiêu chí thứ hai** – Phương thức tạo ra chữ ký điện tử (như ở tiêu chí đầu tiên) phải đủ **độ tin cậy** và **phù hợp** với mục đích tạo ra và gửi thông điệp dữ liệu. Tuy nhiên, Luật lại không quy định rõ mức như thế nào để xác định **độ tin cậy** và **tính phù hợp**. Do Luật chữ ký điện tử của Việt Nam về cơ bản dựa trên cách tiếp cận của Luật Mẫu UNCITRAL, việc xem xét tinh thần của Luật Mẫu UNCITRAL để đưa ra các tiêu chí nhằm xác định các khái niệm này là cần thiết<sup>7</sup>. Theo đó những tiêu chí này bao gồm các tiêu chí về pháp lý, kỹ thuật và thương mại như sau: (a) Mức độ tinh vi của các thiết bị được các bên sử dụng; (b) Bản chất hoạt động thương mại của các bên, (c) Tần suất các giao dịch thương mại diễn ra giữa các bên, (d) Loại và quy mô giao dịch, (e) Yêu cầu về chữ ký theo quy định của pháp luật điều chỉnh, (f) Năng lực của hệ thống thông tin liên lạc, (g) Việc tuân thủ các thủ tục xác thực do các bên trung gian đặt ra, (h) Phạm vi các thủ tục xác thực có sẵn của bất kỳ bên trung gian nào, (i) Tuân thủ tập quán và thông lệ thương mại, (j) Có cơ chế bảo hiểm đối với các thông tin không hợp lệ, (k) Tầm quan trọng và giá trị của các thông tin có trong thông điệp dữ liệu, (l) Có sẵn các phương thức xác minh thay thế và chi phí thực hiện, (m) Mức độ chấp nhận hoặc không chấp nhận phương thức xác minh trong ngành hoặc các lĩnh vực liên quan tại 2 thời điểm: Khi các bên đồng ý

---

<sup>5</sup> Mô hình này được xây dựng trên các nguyên tắc cơ bản của Điều 7 Luật mẫu UNCITRAL về thương mại điện tử (1996) liên quan đến việc thực hiện chức năng chữ ký trong môi trường điện tử, như một khuôn khổ riêng để chỉ rõ các vấn đề pháp lý của chữ ký điện tử.

<sup>6</sup> Luật Mẫu về Thương mại điện tử của UNCITRAL (1996) và Luật Mẫu về chữ ký điện tử của UNCITRAL (2001).

<sup>7</sup> Luật Mẫu về Thương mại điện tử của UNCITRAL (1996).

phương thức xác minh và khi các thông điệp dữ liệu được gửi đi, và (n) các yếu tố liên quan khác (như bên thứ ba cung cấp dịch vụ xác thực chữ ký số)<sup>8</sup>.

Bên cạnh đó, trong trường hợp luật yêu cầu tài liệu [thông điệp dữ liệu] phải được đóng dấu của một tổ chức, các nhà lập pháp yêu cầu các tiêu chí chặt chẽ hơn để đảm bảo tính hợp pháp của tài liệu mà chữ ký điện tử được gán vào, cụ thể là yêu cầu về xác thực<sup>9</sup>. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật hiện hành (Nghị định 130/2018/NĐ-CP), chỉ có chữ ký số mới có thể được xác thực.

Nhìn chung, khung pháp lý của Việt Nam quy định khá cụ thể và rõ ràng về giá trị pháp lý của những hợp đồng được lập dưới hình thức điện tử và được ký bởi chữ ký số. Trong khi đó, những hợp đồng sử dụng chữ ký scan hay chữ ký hình ảnh còn đang gặp nhiều tranh cãi về mặt pháp lý. Tuy nhiên, trên cơ sở tôn trọng sự thỏa thuận của các bên và giảm thiểu việc vô hiệu của hợp đồng do không đúng hình thức, tác giả cho rằng chữ ký scan và chữ ký hình ảnh sẽ có giá trị pháp lý nếu chúng có khả năng chứng minh được thẩm quyền và sự chấp thuận của các bên ký kết. Dù tranh luận về việc một hợp đồng liệu có vô hiệu không khi sử dụng chữ ký scan hay chữ ký hình mang tính lý luận nhiều hơn thực tiễn, vấn đề phức tạp hơn là làm sao thiết lập được hệ thống kiểm tra đảm bảo để ngăn chặn được các hành vi gian lận khi sử dụng chữ ký điện tử (ví dụ như chữ ký bị giả mạo và bị người không có thẩm quyền sử dụng trong các tài liệu, hay chữ ký đó bị xóa khỏi tài liệu này và sử dụng cho tài liệu khác).

Bởi những lý do trên, Luật Giao dịch điện tử năm 2005 đã quy định quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan (bao gồm cả bên ký chữ ký điện tử và bên chấp nhận chữ ký này) như một biện pháp để chống gian lận. Đối với bên ký chữ ký điện tử, nghĩa vụ của họ là tập trung quản lý chữ ký điện tử để tránh việc lạm dụng hay sử dụng chữ ký điện tử sai mục đích, và phải thông báo cho các bên liên quan khi phát hiện ra chữ ký điện tử không còn nằm trong quyền kiểm soát của bên ký; và trong trường hợp sử dụng chữ ký điện tử được chứng thực, đảm bảo về tính chính xác và toàn vẹn của các thông tin tại chứng thư. Những nghĩa vụ này nhằm ngăn chặn việc sử dụng trái phép chữ ký điện tử của bên thứ ba và làm giảm thiệt hại có thể xảy ra từ những hành vi vi phạm đó. Đối với bên chấp nhận chữ ký điện tử<sup>10</sup>, nghĩa vụ của họ là tập trung vào việc xác minh độ tin cậy của chữ ký điện tử và các chứng thực liên quan (nếu có), trước khi chấp nhận chữ ký này<sup>11</sup>.

---

<sup>8</sup> Xem Hướng dẫn Ban hành Luật Mẫu về Thương mại Điện tử của UNCITRAL (1996), đoạn 57-58.

<sup>9</sup> Về mặt kỹ thuật, Điều 24.2 Luật Giao dịch điện tử năm 2005 quy định hai điều kiện của chữ ký điện tử trong trường hợp này là: (i) đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 22.1 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005; và (ii) chữ ký điện tử phải được xác thực. Tuy nhiên, Điều 22.2 của Luật Giao dịch điện tử năm 2005 lại quy định một chữ ký điện tử đã được xác thực sẽ được coi là đáp ứng tất cả các điều kiện được quy định tại Điều 22.1.

<sup>10</sup> Khái niệm “bên chấp nhận chữ ký điện tử” nhằm bao hàm bất kỳ bên nào có thể thực hiện nội dung của thông điệp dữ liệu đã nhận, dù chỉ có quan hệ hợp đồng với bên ký kết hay không, *xem thêm*: Điều 25.1 Luật Giao dịch điện tử năm 2005.

<sup>11</sup> *Xem thêm*: Điều 26 Luật Giao dịch điện tử 2005.

Tuy nhiên, cần phải vạch ra ranh giới giữa việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nêu trên và giá trị pháp lý của chữ ký điện tử. Nghĩa là, tác giả cho rằng việc không thực hiện nghĩa vụ của cả người ký và bên đối tác đều không ảnh hưởng đến hiệu lực của chữ ký điện tử. Điển hình như, nghĩa vụ của người ký là phải thực hiện các hành động để ngăn chặn việc sử dụng trái phép chữ ký điện tử và phải cảnh báo cho bên còn lại nếu có vi phạm. Tuy nhiên, nếu người ký không thực hiện nghĩa vụ này thì cũng không ảnh hưởng đến hiệu lực của chữ ký điện tử (miễn là chữ ký này được lập theo đúng quy trình). Trên thực tế, việc các bên liên quan không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình chỉ dẫn đến các trách nhiệm pháp lý nhất định<sup>12</sup>. Theo đó, kể cả bên ký hay bên chấp nhận chữ ký đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những hậu quả gây ra từ việc không thực hiện nghĩa vụ của họ theo Điều 25 và 26 Luật Giao dịch điện tử năm 2005. Hậu quả của việc vi phạm này có thể là bồi thường bằng tiền hay hủy bỏ/vô hiệu hợp đồng, v.v. Việc này được xác định dựa trên cơ sở tham khảo và các quy định pháp luật áp dụng.

### ***Việc sử dụng chữ ký điện tử cho các văn bản nộp cho Cơ quan nhà nước có được chấp nhận hay không?***

Cho tới thời điểm hiện tại, chữ ký số là loại chữ ký điện tử duy nhất được pháp luật chính thức công nhận. Cho nên, khi nộp các văn bản sử dụng chữ ký số cho cơ quan nhà nước đều được chấp nhận. Tuy nhiên, việc sử dụng chữ ký số này không được áp dụng rộng rãi, mà bị giới hạn trong các lĩnh vực sau:

- **Kê khai và nộp thuế:** Các doanh nghiệp có chữ ký số có thể đăng ký tài khoản trên website của Tổng Cục thuế<sup>13</sup> để đăng ký, kê khai và nộp thuế điện tử trên Cổng thông tin của Tổng Cục thuế theo quy định tại Điều 7 Thông tư 19/2021/TT-BTC ngày 18/03/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.
- **Hóa đơn điện tử:** Hóa đơn điện tử được người bán hoặc người cung cấp dịch vụ lập dưới dạng dữ liệu điện tử để ghi lại thông tin hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Tương tự như hóa đơn giấy, hóa đơn điện tử phải ghi lại nội dung phản ánh giao dịch thực tế thông qua thông tin của hóa đơn, người bán và người mua, hàng hóa và dịch vụ, và chữ ký của người bán và người mua, v.v. Tuy nhiên, các bên không cần ký trực tiếp vào hóa đơn đó, mà chỉ cần xác thực chữ ký số để ký vào hóa đơn điện tử<sup>14</sup>. Thông qua Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về hóa đơn chứng từ, Chính phủ đã bắt buộc sử dụng chữ ký số từ ngày 01/07/2022.
- **Đăng ký doanh nghiệp:** Doanh nghiệp có thể sử dụng chữ ký số để đăng ký tài khoản trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và thực hiện các thủ tục đăng ký doanh nghiệp như đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký

<sup>12</sup> Xem thêm: Điều 25.3 và Điều 26.3 Luật Giao dịch điện tử 2005.

<sup>13</sup> <https://thuедientu.gdt.gov.vn>

<sup>14</sup> Xem thêm: Điều 6 Nghị định 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 quy định về Hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

doanh nghiệp, thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh, v.v. Trong đó, đơn đăng ký có thể được ký bằng chữ ký số trên tài liệu điện tử, hoặc ký sống trực tiếp và scan tài liệu; sau đó, việc xác thực chữ ký số trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét và chấp thuận<sup>15</sup>.

- **Thủ tục hải quan:** Việc khai báo điện tử cho thủ tục hải quan được chính thức công nhận và áp dụng từ năm 2013 theo Quyết định 2341/QĐ-BTC ngày 18/09/2013 về việc ban hành lộ trình triển khai sử dụng chữ ký số công cộng trong thủ tục hải quan điện tử. Quy định được bắt buộc áp dụng từ năm 2016. Thủ tục hải quan này được thực hiện từ khi đăng ký tiếp nhận đến khi thông quan trên hệ thống bằng chữ ký số đã được đăng ký với Cơ quan Hải quan.
- **Kê khai bảo hiểm xã hội:** Các doanh nghiệp có thể đăng ký tài khoản để nộp hồ sơ bảo hiểm xã hội điện tử. Trong đó, hồ sơ phải có chữ ký số của người có trách nhiệm ký chứng từ bảo hiểm xã hội điện tử theo quy định tại Điều 9.1 Nghị định 166/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Việc ký bằng chữ ký số trong các giao dịch điện tử của bảo hiểm xã hội được gọi chung là ký kết điện tử<sup>16</sup>.

---

<sup>15</sup> Xem thêm: Điều 43-44 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp.

<sup>16</sup> Xem thêm: Điều 43 Quyết định 838/QĐ-BHXH ngày 29/05/2017 về việc ban hành quy trình giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.